TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **07**/2025/QĐST- DS	Q, *ngày 05 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463; 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST – DS ngày 06 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP H** (Tên viết tắt là "MSB")

Trụ sở chính: E N, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L. Chức vụ: Tổng Giám đốc M.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng M. Theo Giấy ủy quyền số: 12402/UQ-TGĐ12 ngày 29/12/2023 của Tổng Giám đốc M, về việc: Khởi kiện, tham gia tố tụng, thi hành án, khiếu nại và tố cáo.

Người được uỷ quyền lại: Ông Đặng Hồng T, sinh năm 1980. Chức vụ: Giám đốc XLN KHCN TC cấp 1 – Phòng XLN KHCN Tín chấp – NH QLTD –MSB. Theo Giấy ủy quyền số: 6869/2024/GUQ-TGĐ12 ngày 30/7/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng M - Ngân hàng TMCP H, về việc: Nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Toà án.

Địa chỉ: Tòa nhà B tỉnh Nghệ An, số B, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn*:* Bà **Trương Thị X**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về việc xác nhận nợ: Bị đơn là bà Trương Thị X, xác nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP H các hợp đồng gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 20/6/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05182/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3410613 ngày 12/7/2022.

Bị đơn là bà Trương Thị X, xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP H số tiền nợ tính đến ngày 25/02/2025 là 460.377.956 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 265.700.748 đồng, nợ lãi trong hạn: 99,126.479 đồng, nợ lãi quá hạn: 84.195.613 đồng, và nợ phí 11,355,116 đồng.

Trong đó: Số tiền nợ theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 20/6/2022 tính đến ngày 25/02/2025 bà X còn nợ số tiền gốc là 117,239,884 đồng; nợ lãi là 96.251,832 đồng; nợ phí là 11,355,116 đồng. Tổng nợ của khoản vay này là: 224,846,832 đồng và số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05182/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3410613 ngày 25/02/2025 là: nợ số tiền gốc là 148,460,864; nợ lãi trong hạn là 2,874,647 đồng; nợ lãi quá hạn là 84.195.613 đồng; nợ phí 0 đồng. Tổng nợ của khoản vay này là: 235,531,124 đồng.

1.2 Thoả thuận về việc thanh toán:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP H và bị đơn là bà Trương Thị X, thỏa thuận bà Trương Thị X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H số tiền nợ tính đến ngày 25/02/2025 là 460.377.956 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 265.700.748 đồng, nợ lãi trong hạn: 99,126.479 đồng, nợ lãi quá hạn: 84.195.613 đồng, và nợ phí 11,355,116 đồng.

Trong đó: Số tiền nợ theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 20/6/2022 tính đến ngày 25/02/2025 bà X còn nợ số tiền gốc là 117,239,884 đồng; nợ lãi là 96.251,832 đồng; nợ phí là 11,355,116 đồng. Tổng nợ của khoản vay này là: 224,846,832 đồng và số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 05182/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3410613 ngày 25/02/2025 là: nợ số tiền gốc là 148,460,864; nợ lãi trong hạn là 2,874,647 đồng; nợ lãi quá hạn là 84.195.613 đồng; nợ phí 0 đồng. Tổng nợ của khoản vay này là: 235,531,124 đồng.

Kể từ ngày 26/02/2025, bà Trương Thị X còn phải chịu phí và lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 20/6/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05182/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3410613 ngày 12/7/2022 cho đến khi bà Trương Thị X thanh toán hết nợ cho M.

2. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận bà Trương Thị X phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là 11.207.559,đ (mười một triệu hai trăm linh bảy nghìn năm trăm năm chín) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.255.000,đ (mười triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006301 ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Sầm Thị Thanh Sương